

HIỆP ĐỊNH TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ GIỮA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CỘNG HÒA AN ĐỘ

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Ấn Độ (sau đây gọi là “các Bên ký kết”),

Với mối quan hệ hữu nghị truyền thống giữa hai nước,

Mong muốn nâng cao hiệu quả hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi,

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Phù hợp với các quy định của Hiệp định này, các Bên sẽ dành cho nhau sự tương trợ tối đa trong các vấn đề về hình sự.

2. Tương trợ tư pháp về hình sự là các tương trợ về điều tra, truy tố hoặc các thủ tục tố tụng khác trong các vấn đề về hình sự do Bên được yêu cầu cung cấp cho Bên yêu cầu, không phụ thuộc vào việc yêu cầu tương trợ đó do Tòa án hay cơ quan có thẩm quyền khác yêu cầu hoặc đề nghị.

3. Yêu cầu tương trợ sẽ được thực hiện không phụ thuộc vào việc hành vi là đối tượng của điều tra, truy tố, xét xử của Bên yêu cầu có cấu thành tội phạm theo luật của Bên được yêu cầu hay không.

4. Tương trợ bao gồm:

- a. Thu thập chứng cứ hoặc lấy lời khai;
- b. Cung cấp thông tin, tài liệu, hồ sơ và vật chứng;
- c. Nhận dạng hoặc xác định nơi ở của người, nơi có đồ vật;
- d. Tổng đạt giấy tờ;
- e. Thực hiện yêu cầu khám xét và thu giữ;
- f. Cho phép người của Bên yêu cầu có mặt khi thực hiện yêu cầu;
- g. Bố trí cho người liên quan cung cấp chứng cứ hoặc giúp đỡ trong điều tra, truy tố, xét xử hình sự trên lãnh thổ của Bên yêu cầu;
- h. Cho phép người đang bị giam giữ cung cấp chứng cứ hoặc giúp đỡ việc điều tra;
- i. Truy tìm, thu giữ, kê biên và tịch thu tài sản do phạm tội mà có và phương tiện phạm tội bao gồm cả những tài sản và phương tiện liên quan tới hoạt động khủng bố;
- j. Các tương trợ khác phù hợp với mục đích của Hiệp định này và không trái với pháp luật của Bên được yêu cầu.

5. Theo Hiệp định này, tương trợ không bao gồm:

- a. Dẫn độ, bắt hoặc giam giữ người để dẫn độ;
- b. Thực hiện bản án hình sự của Bên yêu cầu ở Bên được yêu cầu, trừ những trường hợp pháp luật của Bên được yêu cầu và Hiệp định này cho phép;
- c. Chuyển giao người đang bị giam giữ để thi hành hình phạt;
- d. Chuyển giao việc xét xử trong các vấn đề về hình sự.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Các vấn đề về hình sự theo Hiệp định này là việc điều tra (bao gồm cả thẩm vấn), truy tố, xét xử đối với bất kỳ tội phạm nào, bao gồm cả các tội phạm về thuế, hải quan, quản lý

ngoại hối hoặc các vấn đề về thu nhập mà tại thời điểm yêu cầu tương trợ thuộc thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự của Bên yêu cầu.

2. “*Tài sản do phạm tội mà có*” theo Hiệp định này là tài sản hoặc giá trị của những tài sản có nguồn gốc hoặc thu được một cách trực tiếp hay gián tiếp bởi bất kỳ người nào từ hành vi phạm tội (bao gồm cả tội phạm liên quan đến chuyển giao tiền tệ).

Điều 3. Cơ quan trung ương

1. Để thực hiện Hiệp định này, mỗi Bên chỉ định người hoặc một cơ quan là Cơ quan trung ương để chuyển và nhận các yêu cầu theo quy định của Hiệp định này.

2. Cơ quan dưới đây sẽ được coi là Cơ quan trung ương kể từ khi Hiệp định bắt đầu có hiệu lực:

- a. Đối với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ là Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- b. Đối với Cộng hòa Ấn Độ sẽ là Bộ Nội vụ.

3. Các Bên sẽ thông báo cho nhau khi có bất kỳ sự thay đổi nào về Cơ quan trung ương nói tại khoản 2 Điều này.

4. Các Cơ quan trung ương liên hệ trực tiếp với nhau, tuy nhiên khi cần thiết có thể liên hệ thông qua đường ngoại giao.

Điều 4. Thực hiện yêu cầu tương trợ

1. Bên được yêu cầu phải thực hiện ngay các yêu cầu tương trợ phù hợp với pháp luật nước mình và trong phạm vi pháp luật nước mình cho phép, thực hiện theo cách thức do Bên yêu cầu đề nghị.

2. Bên được yêu cầu, căn cứ vào yêu cầu, sẽ thông báo cho Bên yêu cầu thời gian và địa điểm thực hiện yêu cầu tương trợ.

3. Bên được yêu cầu có thể hoãn việc chuyển giao tài liệu nếu tài liệu đó cần thiết cho thủ tục tố tụng hình sự hoặc tố tụng dân sự của mình. Trong trường hợp này, nếu được đề nghị, Bên được yêu cầu sẽ cung cấp bản sao có chứng thực các tài liệu đó.

4. Bên được yêu cầu phải thông báo ngay cho Bên yêu cầu về các tình huống phát sinh có thể làm chậm việc thực hiện yêu cầu tương trợ.

5. Bên được yêu cầu sẽ không được dùng lý do giữ bí mật ngân hàng để từ chối thực hiện yêu cầu tương trợ.

Điều 5. Nội dung của yêu cầu tương trợ

1. Yêu cầu tương trợ phải nêu rõ:

a. Tên của cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc yêu cầu điều tra, truy tố hoặc các thủ tục tố tụng khác liên quan đến yêu cầu tương trợ;

b. Mục đích, nội dung của yêu cầu tương trợ;

c. Người, cơ quan, tổ chức đưa ra yêu cầu tương trợ;

d. Bản mô tả nội dung vụ việc hình sự, trong đó nêu tóm tắt các tình tiết có liên quan, luật và hình phạt áp dụng;

e. Tiến độ điều tra, truy tố hoặc xét xử;

f. Thời hạn thực hiện yêu cầu tương trợ.

2. Trong trường hợp có thể được, yêu cầu tương trợ cũng bao gồm:

a. Nhận dạng, quốc tịch và nơi ở của người hoặc nhóm người là đối tượng của vụ việc hình sự hoặc những người có thông tin liên quan đến vụ việc hình sự đó;

b. Đối với yêu cầu tương trợ theo Điều 11 cần:

(i) Trong trường hợp lấy lời khai, nêu rõ những yêu cầu về thủ tục lấy lời khai để lời khai đó có giá trị (phải được xác nhận hay tuyên thệ) và mô tả các vấn đề cần thẩm tra đối với những người liên quan kể cả các câu hỏi mà Bên yêu cầu muốn hỏi những người đó;

(ii) Mô tả về các tài liệu, hồ sơ hoặc vật chứng sẽ được đưa ra và nếu có thể mô tả về người được đề nghị xuất trình các tài liệu, hồ sơ hoặc vật chứng nói trên;

c. Trong trường hợp mượn vật chứng, nêu rõ địa điểm hiện tại để vật chứng ở Bên được yêu cầu và bản mô tả người hoặc nhóm người sẽ giữ vật chứng ở Bên yêu cầu, nơi vật chứng sẽ được chuyển đến, các xét nghiệm sẽ được tiến hành và thời gian trao trả vật chứng.

d. Trong trường hợp trích xuất người đang bị giam giữ cần có mô tả người hoặc nhóm người sẽ canh giữ người đó trong quá trình chuyển giao, nơi sẽ được chuyển đến và thời gian có thể trao trả người đó;

e. Đối với trường hợp yêu cầu tương trợ theo Điều 13 hoặc Điều 14, thì cần có thông tin về số tiền trợ cấp và chi phí mà người đến lãnh thổ của Bên yêu cầu sẽ được hưởng;

f. Đối với trường hợp yêu cầu tương trợ theo Điều 10, Điều 16 hoặc Điều 17, thì cần có bản mô tả về vật đang cần tìm, và nếu có thể thì chỉ ra nơi có vật đó;

g. Đối với trường hợp yêu cầu tương trợ theo Điều 16 hoặc Điều 17 thì cần:

(i) Nêu rõ căn cứ mà Bên yêu cầu tin là tài sản do phạm tội mà có thể thuộc quyền tài sản của mình, và

(ii) Quyết định của Tòa án, nếu có, và hiệu lực của quyết định đó;

h. Đối với trường hợp yêu cầu tương trợ có thể dẫn đến phát hiện hoặc thu hồi tài sản do phạm tội mà có, thì cần nêu rõ có áp dụng theo khoản 4 Điều 16 hay không;

i. Nêu rõ các yêu cầu hoặc thủ tục mà Bên yêu cầu mong muốn tuân thủ khi yêu cầu tương trợ được thực hiện, bao gồm các chi tiết về cách thức hay hình thức cung cấp thông tin, chứng cứ, tài liệu hoặc đồ vật;

j. Nêu rõ mong muốn của Bên yêu cầu về việc giữ bí mật yêu cầu và lý do cần giữ bí mật (nếu có);

k. Trường hợp viên chức của Bên yêu cầu muốn đến lãnh thổ của Bên được yêu cầu vì mục đích liên quan đến yêu cầu tương trợ thì nêu rõ mục đích, dự định thời gian và lịch trình chuyển đi;

l. Tài liệu, chứng cứ hoặc thông tin bổ trợ khác cần thiết hoặc có thể giúp Bên được yêu cầu thực hiện có hiệu quả yêu cầu tương trợ.

3. Nếu Bên được yêu cầu xét thấy thông tin nêu trong văn bản yêu cầu không đủ để thực hiện yêu cầu tương trợ theo Hiệp định này, thì có thể đề nghị bổ sung thông tin.

4. Yêu cầu tương trợ phải được lập thành văn bản, trừ trường hợp Bên được yêu cầu chấp nhận yêu cầu tương trợ bằng hình thức khác trong các trường hợp khẩn cấp. Trong trường hợp đó, yêu cầu tương trợ phải được khẳng định lại bằng văn bản trong thời hạn 45 ngày, trừ khi Bên được yêu cầu có ý kiến khác.

Điều 6. Từ chối hoặc hoãn thực hiện yêu cầu tương trợ

1. Việc tương trợ sẽ bị từ chối nếu Bên được yêu cầu cho rằng:

a. Yêu cầu tương trợ liên quan đến tội phạm mà Bên được yêu cầu coi là tội quân sự;

b. Yêu cầu tương trợ liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự một người về một

tội mà người đó bị kết án, tuyên án vụ tội hoặc đặc xá trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu;

c. Yêu cầu tương trợ, nếu được thực hiện sẽ gây tổn hại nghiêm trọng đến chủ quyền, an ninh, trật tự công cộng hoặc lợi ích cơ bản của Bên được yêu cầu.

2. Tương trợ có thể bị từ chối nếu Bên được yêu cầu cho rằng:

a. Việc thực hiện yêu cầu tương trợ trái với pháp luật của Bên được yêu cầu.

b. Yêu cầu tương trợ liên quan đến việc phong tỏa, thu giữ hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có hoặc tịch thu tài sản liên quan đến hành vi/hoạt động mà không thể làm căn cứ cho việc phong tỏa, thu giữ hoặc tịch thu tài sản đó ở Bên được yêu cầu.

3. Tương trợ có thể bị Bên được yêu cầu hoãn thực hiện nếu việc thực hiện yêu cầu tương trợ đó cản trở quá trình điều tra hoặc truy tố đang được tiến hành trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu.

4. Trước khi từ chối hoặc hoãn thực hiện yêu cầu tương trợ theo quy định của Điều này, Bên được yêu cầu thông qua Cơ quan trung ương của mình phải:

a. Thông báo ngay cho Bên yêu cầu về lý do từ chối hoặc hoãn; và

b. Trao đổi với Bên yêu cầu để xác định việc thực hiện tương trợ với các điều kiện mà Bên được yêu cầu đặt ra.

5. Nếu Bên yêu cầu chấp nhận việc tương trợ với những điều kiện nói tại khoản 4.b thì phải tuân thủ các điều kiện đó.

Điều 7. Tổng đạt giấy tờ

1. Trong phạm vi pháp luật nước mình cho phép, Bên được yêu cầu phải thực hiện yêu cầu tổng đạt giấy tờ về hình sự.

2. Yêu cầu tổng đạt giấy triệu tập người đến làm chứng phải được gửi cho Bên được yêu cầu trong thời hạn 45 ngày trước ngày dự định người đó phải có mặt để làm chứng tại Bên yêu cầu. Trong trường hợp khẩn cấp, Bên được yêu cầu có thể không áp dụng thời hạn này.

3. Bên được yêu cầu phải chuyển cho Bên yêu cầu văn bản xác nhận là đó tổng đạt giấy tờ. Nếu không thể tổng đạt được, thì Bên yêu cầu phải được thông báo và được biết rõ lý do.

Điều 8. Cung cấp thông tin

1. Bên được yêu cầu sẽ cung cấp các bản sao tài liệu, hồ sơ hoặc thông tin được công khai cho công chúng tiếp cận.

2. Bên được yêu cầu có thể cung cấp bản sao của bất kỳ tài liệu, hồ sơ hoặc thông tin với cùng cách thức và điều kiện như đối với trường hợp cung cấp cho các cơ quan hành pháp và tư pháp nước mình. Khi Bên yêu cầu đề nghị, tài liệu sẽ được chứng thực theo các quy định của pháp luật của Bên yêu cầu.

3. Bên được yêu cầu có thể cung cấp bản sao có chứng thực của tài liệu hoặc hồ sơ, trừ khi Bên yêu cầu đề nghị cung cấp bản gốc.

Điều 9. Trả lại tài liệu cho bên được yêu cầu

Theo đề nghị của Bên được yêu cầu, Bên yêu cầu phải trả lại tài liệu đó được cung cấp theo Hiệp định này khi những tài liệu đó không cần cần cho các vấn đề hình sự được nêu trong yêu cầu tương trợ.

Điều 10. Khám xét và thu giữ

1. Bên được yêu cầu, trong phạm vi pháp luật nước mình, thực hiện yêu cầu tương trợ đối với các vấn đề về hình sự của Bên yêu cầu liên quan đến việc khám xét, thu giữ và chuyển giao các đồ vật cho Bên yêu cầu theo trình tự thủ tục được thực hiện cho các cơ quan hành pháp và tư pháp của nước mình.

2. Khi Bên yêu cầu đề nghị, Bên được yêu cầu sẽ cung cấp những thông tin liên quan đến kết quả khám xét, địa điểm và hoàn cảnh thu giữ cũng như việc quản lý các đồ vật đã thu giữ.

3. Bên yêu cầu tuân thủ mọi điều kiện do Bên được yêu cầu đặt ra liên quan đến các đồ vật đó được thu giữ và giao cho Bên yêu cầu.

Điều 11. Thu thập chứng cứ

1. Trong khuôn khổ pháp luật của nước mình và khi được đề nghị, Bên được yêu cầu lấy lời khai hoặc bản tường trình của những người liên quan hoặc yêu cầu họ đưa ra đồ vật là vật chứng để chuyển cho Bên yêu cầu.

2. Trong khuôn khổ pháp luật nước mình, Bên được yêu cầu cho phép những người được nêu đích danh trong yêu cầu có mặt trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ và có thể cho phép họ được hỏi người cung cấp lời khai hoặc chứng cứ. Trong trường hợp không cho phép hỏi trực tiếp, thì những người đó có thể được phép gửi các câu hỏi dự định đặt ra cho người cung cấp lời khai hoặc chứng cứ. Người có mặt trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ có thể được phép sao chép nguyên văn nội dung đó. Các phương tiện kỹ thuật có thể được sử dụng để sao chép đúng nguyên văn nội dung đó.

3. Người mà Bên được yêu cầu sẽ thu thập chứng cứ theo yêu cầu tương trợ phù hợp với Điều này có thể từ chối cung cấp chứng cứ trong trường hợp sau:

a. Pháp luật của Bên được yêu cầu cho phép hoặc bắt buộc người đó từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp tương trợ khi trình tự, thủ tục tố tụng hình sự được tiến hành trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu; hoặc

b. Pháp luật của Bên yêu cầu cho phép hoặc bắt buộc người đó từ chối cung cấp chứng cứ theo trình tự, thủ tục tố tụng hình sự như vậy trên lãnh thổ của Bên yêu cầu.

4. Nếu bất kỳ người nào trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu cho rằng pháp luật của Bên yêu cầu có quy định về quyền hoặc nghĩa vụ phải từ chối cung cấp chứng cứ, thì Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu, nếu được yêu cầu, phải cung cấp một văn bản xác nhận cho Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu về quy định của quyền hoặc nghĩa vụ đó. Trong trường hợp không có căn cứ ngược lại, thì văn bản xác nhận đó sẽ là một căn cứ đầy đủ về những vấn đề được nêu trong đó.

5. Theo Điều này, việc thu thập chứng cứ bao gồm cả việc thu thập tài liệu hoặc các đồ vật khác.

Điều 12. Hiện diện của Bên yêu cầu khi thực hiện yêu cầu tương trợ

Trong khuôn khổ pháp luật của Bên được yêu cầu cho phép, những người được nêu đích danh trong yêu cầu tương trợ sẽ được phép có mặt trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ.

Điều 13. Chuyển giao người đang chấp hành hình phạt để cung cấp chứng cứ hoặc giúp đỡ điều tra

1. Người đang chấp hành hình phạt trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu, có thể được tạm thời chuyển giao theo yêu cầu của Bên yêu cầu để cung cấp chứng cứ theo trình tự, thủ tục tố tụng hình sự hoặc trợ giúp điều tra trên lãnh thổ của Bên đó. Theo quy định của Điều này,

người đang chấp hành hình phạt bao gồm cả người không bị giam giữ trong trại giam nhưng đang phải chấp hành hình phạt về một tội nhưng không phải là hình phạt tiền.

2. Bên được yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành hình phạt cho Bên yêu cầu chỉ khi:

a. Người đó tự nguyện đồng ý với việc chuyển giao; và

b. Bên yêu cầu đồng ý tuân thủ các điều kiện cụ thể do Bên được yêu cầu nêu ra liên quan đến việc canh giữ hoặc bảo đảm an toàn cho người được chuyển giao.

3. Khi Bên được yêu cầu thông báo cho Bên yêu cầu là không cần phải quản lý người bị chuyển giao nữa, thì người đó sẽ được tự do.

4. Người được chuyển giao theo quy định của Điều này sẽ được trao trả cho Bên được yêu cầu theo cách thức hai bên đó thoả thuận vào thời điểm sớm nhất có thể được, ngay sau khi đó cung cấp chứng cứ hoặc vào thời điểm sớm hơn nếu sự có mặt của người đó không cần thiết.

Điều 14. Sự có mặt của người khác để cung cấp chứng cứ hoặc trợ giúp việc điều tra

1. Theo đề nghị của Bên yêu cầu, bên được yêu cầu có thể chuyển giao một người (không phải là người quy định tại Điều 13) đến lãnh thổ của Bên yêu cầu để cung cấp chứng cứ hay giúp đỡ về một vấn đề hình sự tại lãnh thổ của Bên yêu cầu.

2. Bên được yêu cầu, nếu thỏa mãn với các biện pháp mà Bên yêu cầu sẽ áp dụng nhằm bảo đảm an toàn cho người được chuyển giao, sẽ đề nghị người đó cung cấp chứng cứ hoặc giúp đỡ trên lãnh thổ của Bên yêu cầu. Người đó sẽ được thông báo về số tiền trợ cấp hoặc chi phí được hưởng. Bên được yêu cầu thông báo ngay về ý kiến của người đó cho Bên yêu cầu và nếu người đó chấp thuận thì tiến hành các bước cần thiết để thực hiện yêu cầu tương trợ.

Điều 15. Bảo đảm an toàn

1. Theo khoản 2 Điều này, người có mặt trên lãnh thổ của Bên yêu cầu theo yêu cầu tương trợ tại Điều 13 hoặc Điều 14 Hiệp định này sẽ không:

a. Bị giam giữ, truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị áp dụng hình phạt trên lãnh thổ của Bên yêu cầu, cũng không phải tham gia bất kỳ vụ kiện dân sự nào nếu vụ kiện dân sự đó không thể tiến hành khi người đó không ở trên lãnh thổ của Bên yêu cầu, đối với các hành vi hành động hoặc không hành động xảy ra trước khi người này rời lãnh thổ của Bên được yêu cầu;

b. Cung cấp chứng cứ theo bất kỳ thủ tục tố tụng hình sự nào và giúp đỡ bất kỳ việc điều tra hình sự nào ngoài phạm vi vấn đề hình sự đó nêu trong yêu cầu tương trợ, nếu người đó không đồng ý.

2. Khoản 1 Điều này không áp dụng nếu người đó đã được tự do rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu, nhưng đó không rời khỏi trong thời hạn 30 ngày, kể từ khi được thông báo chính thức là sự có mặt của người đó là không cần cần thiết nữa hoặc đó rời khỏi nhưng quay trở lại.

3. Người không đồng ý cung cấp chứng cứ theo Điều 13 hoặc Điều 14 của Hiệp định này không phải chịu bất kỳ hình phạt hay biện pháp cưỡng chế nào của Tòa án của Bên yêu cầu hay Bên được yêu cầu.

4. Người đồng ý cung cấp chứng cứ theo Điều 13 hoặc Điều 14 Hiệp định này sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự căn cứ vào lời khai của họ, trừ việc khai báo gian dối hoặc

xúc phạm Tòa án.

Điều 16. Tài sản do phạm tội mà có và phương tiện phạm tội

1. Bên được yêu cầu, theo yêu cầu, cố gắng xác định xem có tài sản do phạm tội mà có và phương tiện phạm tội có trong phạm vi thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự của mình hay không và thông báo cho Bên yêu cầu kết quả điều tra của mình.

2. Trong trường hợp tìm thấy tài sản nghi là do phạm tội mà có hoặc phương tiện phạm tội, thì Bên được yêu cầu sẽ áp dụng các biện pháp mà pháp luật nước mình cho phép để quản lý hoặc tịch thu tài sản hoặc phương tiện đó.

3. Khi áp dụng Điều này, các quyền chính đáng của bên thứ ba có liên quan sẽ được tôn trọng theo pháp luật của Bên được yêu cầu.

4. Bên được yêu cầu sẽ giữ lại tài sản do phạm tội mà có hoặc phương tiện phạm tội đó bị tịch thu, trừ trường hợp có thoả thuận khác trong từng trường hợp cụ thể.

Điều 17. Tài trợ tài chính cho hoạt động khủng bố

Khi một trong hai Bên ký kết có lý do để tin rằng có người hoặc nhóm người thuộc quyền tài phán của mình đó quyền giúp hoặc đang quyền góp hoặc đóng góp cho bất kỳ quỹ tài chính nào mà quỹ đó trực tiếp hoặc gián tiếp tài trợ hoặc giúp đỡ cho các hoạt động khủng bố trên lãnh thổ của Bên kia, thì sẽ báo cho Bên ký kết kia về tình hình đó, đồng thời sẽ tiến hành các biện pháp mà pháp luật nước mình cho phép để khám xét, thu giữ và tịch thu quỹ tài chính đó và truy tố những cá nhân liên quan.

Điều 18. Bảo mật

1. Sau khi tham vấn với Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu có thể đề nghị bảo mật thông tin hay chứng cứ được cung cấp hoặc nguồn của những thông tin hay chứng cứ đó, việc tiết lộ hoặc sử dụng phải phù hợp với các điều kiện được đặt ra.

2. Bên yêu cầu có thể đề nghị giữ bí mật nội dung của yêu cầu tương trợ, các văn bản hỗ trợ và các công việc kèm theo yêu cầu tương trợ. Nếu yêu cầu tương trợ chỉ có thể được thực hiện khi vi phạm các điều kiện về bảo mật, Bên được yêu cầu sẽ thông báo Bên yêu cầu trước khi thực hiện yêu cầu tương trợ và Bên yêu cầu sẽ quyết định việc có hay không thực hiện yêu cầu tương trợ.

3. Khi được đề nghị, Bên yêu cầu phải bảo đảm rằng thông tin hoặc chứng cứ sẽ được bảo vệ, không để mất mát, bị tiếp cận, sử dụng, sửa đổi, tiết lộ trái phép hoặc bị lạm dụng.

Điều 19. Giới hạn của việc sử dụng thông tin

Nếu không được sự đồng ý trước của Bên được yêu cầu, Bên yêu cầu không được sử dụng thông tin hay chứng cứ có được hoặc làm bất kỳ điều gì trên cơ sở thông tin hay chứng cứ đó vào các mục đích khác với mục đích đó nêu trong yêu cầu tương trợ.

Điều 20. Chứng nhận và chứng thực

1. Văn bản yêu cầu tương trợ, các tài liệu hỗ trợ và các giấy tờ hoặc đồ vật được cung cấp theo yêu cầu tương trợ không đòi hỏi bất kỳ hình thức chứng nhận hay chứng thực nào trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trong trường hợp cụ thể khi Bên được yêu cầu hoặc Bên yêu cầu đòi hỏi các giấy tờ hoặc đồ vật phải được chứng thực, thì giấy tờ, đồ vật đó phải được chứng thực đầy đủ theo cách thức quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Giấy tờ hoặc đồ vật được xác định là đó chứng thực theo Hiệp định này nếu giấy tờ hoặc đồ vật đó được người hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật của Bên gửi

ký hoặc đóng dấu chính thức của cơ quan đó.

Điều 21. Ngôn ngữ

Yêu cầu tương trợ, tài liệu hỗ trợ và các thông báo theo Hiệp định này sẽ được làm bằng ngôn ngữ của Bên yêu cầu, có kèm theo bản dịch ra ngôn ngữ của Bên được yêu cầu hoặc dịch ra tiếng Anh.

Điều 22. Các thỏa thuận phụ trợ

Cơ quan trung ương của mỗi Bên có thể có các thỏa thuận phụ trợ phù hợp với mục đích của Hiệp định này và pháp luật của cả hai Bên.

Điều 23. Đại diện và chi phí

1. Trừ trường hợp Hiệp định này quy định khác, Bên được yêu cầu tiến hành mọi việc cần thiết cho Bên yêu cầu có mặt trong bất kỳ giai đoạn nào của quá trình tổ tụng hình sự phát sinh ngoài yêu cầu tương trợ, và nếu Bên yêu cầu không thể có mặt, thì Bên được yêu cầu sẽ đại diện cho quyền lợi của Bên yêu cầu.

2. Bên được yêu cầu phải chịu chi phí thực hiện yêu cầu tương trợ, trừ chi phí dưới đây do Bên yêu cầu chịu:

a. Các chi phí gắn với việc chuyên chở người đến hoặc đi từ lãnh thổ của Bên được yêu cầu và chi phí về chỗ ở của người đó cũng như các khoản thù lao và chi phí phải trả cho họ trong thời gian có mặt trên lãnh thổ của Bên yêu cầu theo yêu cầu tương trợ quy định tại Điều 7, Điều 13 hoặc Điều 14 của Hiệp định này;

b. Các chi phí gắn với việc chuyên chở các nhân viên dẫn giải hoặc hộ tống;

c. Lệ phí và chi phí chuyên gia;

d. Chi phí liên quan tới việc phiên dịch, dịch tài liệu và thu thập chứng cứ bằng hình ảnh, qua vệ tinh hoặc các phương tiện kỹ thuật khác từ Bên được yêu cầu tới Bên yêu cầu;

e. Khi Bên được yêu cầu đề nghị, các chi phí bất thường phát sinh trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ.

Điều 24. Tương thích với các hiệp định khác

Hiệp định này sẽ không ngăn trở một Bên tương trợ cho Bên kia theo các điều khoản của các công ước/thỏa thuận quốc tế đa phương phù hợp khác hoặc theo các quy định của pháp luật nước mình. Các Bên cũng sẽ cung cấp tương trợ theo bất kỳ thỏa thuận song phương, hiệp định hoặc thông lệ thích hợp.

Điều 25. Tham vấn

Hai Bên sẽ tiến hành tham vấn ngay theo yêu cầu của bất kỳ Bên nào, về những vấn đề chung hoặc từng vấn đề cụ thể liên quan đến việc giải thích, áp dụng hay thực hiện Hiệp định này.

Điều 26. Hiệu lực và chấm dứt hiệp định

1. Hiệp định này:

a. Phải được phê chuẩn và văn kiện phê chuẩn sẽ được trao đổi trong thời gian sớm nhất có thể;

b. Sẽ có hiệu lực vào thời điểm trao đổi văn kiện phê chuẩn;

c. Được áp dụng đối với yêu cầu tương trợ về hành vi liên quan xảy ra trước ngày Hiệp

định này có hiệu lực;

d. Có thể được sửa đổi khi cả hai Bên đồng ý.

2. Mỗi Bên có thể chấm dứt Hiệp định này. Hiệp định sẽ hết hiệu lực sau sáu (06) tháng kể từ ngày thông báo về việc chấm dứt Hiệp định cho Bên kia.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây được Nhà nước của mình ủy quyền đầy đủ, đã ký Hiệp định này.

Làm tại Hà Nội ngày 08 tháng 10 năm 2007 thành hai bản gốc, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Hindu và tiếng Anh có giá trị như nhau. Trong trường hợp nảy sinh bất đồng trong việc giải thích Hiệp định này thì sẽ căn cứ vào bản tiếng Anh.